|  |  |
| --- | --- |
| )TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG  **TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN CÔNG NGHỆ, KHỐI LỚP 6**

(Năm học 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 02 **; Số học sinh:**  **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:** 0

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 07; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 01; Đại học: 06; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 07; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| ***I. Tranh ảnh*** | | | | |
| 1 | Vai trò và đặc điểm chung của nhà ở | 1 | Bài 1. Khái quát về nhà ở |  |
| 2 | Kiến trúc nhà ở Việt Nam | 1 |  |
| 3 | Xây dựng nhà ở | 1 | Bài 2. Xây dựng nhà ở |  |
| 4 | Ngôi nhà thông minh | 1 | Bài 3. Ngôi nhà thông minh |  |
| 5 | Thực phẩm trong gia đình | 1 | Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng |  |
| 6 | Phương pháp bảo quản thực phẩm | 1 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm |  |
| 7 | Phương pháp chế biến thực phẩm | 1 |  |
| 8 | Trang phục và đời sống | 1 | Bài 7. Trang phục trong đời sống |  |
| 9 | Thời trang trong cuộc sống | 1 | Bài 9. Thời trang |  |
| 10 | Lựa chọn và sử dụng trang phục | 1 | Bài 8. Sử dụng và bảo quản trang phục |  |
| 11 | Nồi cơm điện | 1 | Bài 12. Nồi cơm điện |  |
| 12 | Bếp điện | 1 | Bài 13. Bếp hồng ngoại |  |
| 13 | Đèn điện | 1 | Bài 11. Đèn điện |  |
| ***II. Video*** | | | | |
| 1 | Giới thiệu về bản chất, đặc điểm, một số hệ thống kĩ thuật công nghệ và tương lai của ngôi nhà thông minh. | 1 | Bài 3. Ngôi nhà thông minh |  |
| 2 | Giới thiệu vệ sinh an toàn thực phẩm, những vấn đề cần quan tâm để đảm bảo an toàn thực phẩm trong gia đình | 1 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm |  |
| 3 | Giới thiệu về trang phục, vai trò của trang phục, các loại trang phục, lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục; thời trang trong cuộc sống. | 1 | Bài 7. Trang phục trong đời sống  Bài 8. Sử dụng và bảo quản trang phục |  |
| 4 | Giới thiệu về an toàn điện khi sử dụng đồ điện trong gia đình, cách sơ cứu khi người bị điện giật. | 1 | Bài 10. Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình |  |
| 5 | Giới thiệu về năng lượng, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. | 1 | Bài 14. Dự án  An toàn và tiết kiệm điện năng trong gia đình |  |
| ***III. Thiết bị thực hành*** | | | | |
| 1 | Bộ dụng cụ sử dụng trong chế biến món ăn không sử dụng nhiệt. | 3 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm |  |
| 2 | Bộ dụng cụ tỉa hoa, trang trí món ăn không sử dụng nhiệt. | 3 |  |
| 3 | Hộp mẫu các loại vải | 3 | Bài 7. Trang phục trong đời sống |  |
| 4 | Nồi cơm điện | 3 | Bài 12. Nồi cơm điện |  |
| 5 | Bếp điện | 3 | Bài 13. Bếp hồng ngoại |  |
| 6 | Bóng đèn các loại | 3 | Bài 11. Đèn điện |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng thiết bị | 1 | Nơi cất các dụng cụ thí nghiệm |  |
| 2 | Phòng công nghệ thông tin | 1 | Nơi để dạy môn Tin học |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[1]](#footnote-1)**

**1. Phân phối chương trình**

**Cả năm: 35 tuần (35 tiết);**

**Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (18 tiết); Học kì 2: 17 tuần (17 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủ đề/ Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| **I** | **Chủ đề 1: NHÀ Ở (6 TIẾT)** | | |
| 1 | Bài 1. Khái quát về nhà ở | 2 | – Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. |
| 2 | Bài 2. Xây dựng nhà ở | 2 | – Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. |
| 3 | Bài 3. Ngôi nhà thông minh | 2 | – Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. – Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. |
| **II** | **Chủ đề 2: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM (6 TIẾT)** | | |
| 4 | Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng | 2 | – Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khoẻ con người.  - Hình thành thói quen ăn, uống khoa học. |
| 5 | Ôn tập | 1 | - Bảng phụ ghi nội dung câu hỏi ôn tập. |
| 6 | Kiểm tra giữa kì I | 1 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 1,2 |
|  | **Chủ đề 2: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM (tt)** | | |
| 7 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm | 3 | – Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.  – Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.  - Chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. |
| 8 | Bài 6. Dự án: Bữa ăn kết nối yêu thương | 1 | – Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt.  – Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình. |
| **III** | **Chủ đề 3: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG (5 TIẾT)** | | |
| 9 | Bài 7. Trang phục trong đời sống | 2 | - Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống.  - Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục |
| 10 | Ôn tập | 1 | - Bảng phụ ghi nội dung câu hỏi ôn tập. |
| 11 | Kiểm tra cuối kì I | 1 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 1,2,3 |
|  | **Chủ đề 3: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG (tt)** | | |
| 12 | Bài 8. Sử dụng và bảo quản trang phục | 2 | - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tinh chất công việc và điều kiện tài chínhcủa gia đình.  - Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng. |
| 13 | Bài 9. Thời trang | 1 | - Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang.  - Nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân. |
| **IV** | **Chủ đề 4: ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH (10 TIẾT)** | | |
| 14 | Bài 10. Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình | 3 | - Kể được tên và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.  - Nêu được cách lựa chọn và một số lưu ý khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn và tiết kiệm. |
| 15 | Bài 11. Đèn điện | 2 | - Nhận biết được một số bộ phận chính của một số loại bóng đèn.  - Mô tả được nguyên lí làm việc của một số loại bóng đèn.  - Lựa chọn và sử dụng được các loại nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm, an toàn. |
| 16 | Ôn tập | 1 | - Bảng phụ ghi nội dung câu hỏi ôn tập. |
| 17 | Kiểm tra giữa kì II | 1 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 3,4 |
| 18 | Bài 12. Nồi cơm điện | 2 | - Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính của nồi cơm điện.  - Vẽ được sơ đồ khối và mô tả được nguyên lí làm việc của nồi cơm điện.  - Lựa chọn và sử dụng được các loại nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm, an toàn. |
| 19 | Bài 13. Bếp hồng ngoại | 2 | - Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại.  - Vẽ được sơ đồ khối và mô tả được nguyên lí làm việc của bếp hồng ngoại.  - Lựa chọn và sử dụng được các loại bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm, an toàn. |
| 20 | Bài 14. Dự án  An toàn và tiết kiệm điện năng trong gia đình | 2 | - Đánh giá được thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình.  - Đề xuất việc làm cụ thể để sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm. |
| 21 | Ôn tập | 1 | - Bảng phụ ghi nội dung câu hỏi ôn tập. |
| 22 | Kiểm tra cuối kì II | 1 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 3,4 |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | 13 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 1,2 | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | 18 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 1,2,3 | Kiểm tra viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | 26 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 3,4 | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | 35 | YCCĐ đáp ứng yêu cầu của chủ đề 3,4 | Kiểm tra viết |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  **Nguyễn Thị Kiều Duyên** | *Hòa Thành, ngày tháng năm 2023*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |
|  |  |

1. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-1)